

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2026/KDTM-ST
Ngày: 23-4-2026
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Bằng và bà Phan Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Bá Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 19/2025/TLST - KDTM ngày 09/10/2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2026/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2026/QĐST-KDTM ngày 25/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: số 02 Láng Hạ, phường Gi, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn Đ; đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Võ Văn T. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; nơi cư trú: thôn Th, xã Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Xuất phát từ nhu cầu vay vốn, ngày 18 tháng 8 năm 2018 ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L đã tự nguyện đề nghị vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc Quảng Bình. Ông, bà đã ký Hợp đồng tín dụng số: 1204/2018/HĐTD ngày 28 tháng 8 năm 2018 với hạn mức cho vay: 650.000.000 đồng, Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền này, mục đích vay vốn là: Thanh toán chi phí Kinh doanh hàng hải sản với thời hạn vay là 12 tháng; Lãi suất: 9%/năm

được thể hiện tại Giấy nhận nợ ngày 28/8/2018.

Để đảm bảo cho khoản vay thì ông T và bà L đã thế chấp những tài sản sau cho Ngân hàng:

+ Thế chấp tàu đánh cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 40151; Số đăng ký QB-92087-TS; Chủ tàu: Nguyễn Văn T; Nơi thường trú: Đức Trạch - Bố Trạch - Quảng Bình; Cơ quan đăng ký: Chi cục KT&BVNL Thủy sản Quảng Bình; Loại tàu: Đánh cá; Công dụng: Khai thác thủy sản; Năm đóng: 1996; Nơi đóng: Bình Định; Cảng đăng ký: Cảng Gianh; Cơ quan đăng kiểm: Chi cục KT&BVNL Thủy sản Quảng Bình; Cấp tại: Quảng Bình, ngày 11 tháng 4 năm 2014; Vào sổ ĐKTCQG số: Đức Trạch 403 ngày 11 tháng 4 năm 2014, Số đăng ký cũ: BĐ-96073-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1204A/2018/HĐTC ngày 27 tháng 8 năm 2018 ký giữa Agribank chi nhánh Bắc Quảng Bình và Ông: Nguyễn Văn T - Bà: Nguyễn Thị L, số công chứng 2759, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Trung Sơn.

+ Thế chấp quyền sử dụng đất gồm các thửa đất sau: Thửa đất số 220, tờ bản đồ số 2 tại thôn Th, xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 157584, Số vào sổ cấp GCN: CH 01083, do UBND huyện Bố Trạch cấp ngày 18 tháng 6 năm 2016, mang tên ông: Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L. Và thửa đất số 32, tờ bản đồ số 3 tại thôn Th, xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CN 475406, Số vào sổ cấp GCN: CS 02232, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 02 tháng 8 năm 2018, mang tên ông: Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1204/2018/HĐTC ngày 27 tháng 8 năm 2018 ký giữa Agribank chi nhánh Bắc Quảng Bình và ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, số công chứng 2760, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Trung Sơn.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà L đã trả được số tiền 20.683.358 đồng. Trong đó: Số tiền gốc đã trả: 0 đồng, số tiền lãi đã trả: 20.683.358 đồng, ngày trả nợ lãi gần nhất 03/01/2019. Tính đến ngày 15/8/2025 ông T và bà L còn nợ của Ngân hàng số tiền 1.230.392.776 đồng (một tỷ, hai trăm ba mươi triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu đồng); trong đó tiền gốc là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 580.392.776 đồng (năm trăm tám mươi triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu đồng). Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông T và bà L để tái cơ cấu lại khoản vay nhưng ông bà vẫn không thực hiện được nên khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày 08/7/2019. Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc với ông T và đề nghị thanh toán cho ngân hàng số tiền theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng ông bà không thực hiện. Xét thấy, ông T và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T và bà L phải thanh toán cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền nợ

gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng ngày 28/8/2018; giấy nhận nợ ngày 28/8/2018 tạm tính đến tính đến ngày 23/4/2026 ông T và bà L còn nợ Ngân hàng số tiền là: 1.292.744.840 đồng (một tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm bốn mươi đồng); trong đó: nợ gốc: 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng); nợ lãi: 642.744.840 đồng (sáu trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi bốn đồng, tám trăm bốn mươi đồng), trong đó: lãi trong hạn: 424.726.027 đồng (bốn trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm hai bảy đồng); lãi quá hạn: 218.018.813 đồng (hai trăm mười tám triệu, không trăm mười tám nghìn, tám trăm mười ba đồng). Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ nêu trên cho đến ngày ông T và bà L thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông bà không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại và xử lý tài sản thế chấp để thanh toán cho nghĩa vụ trả nợ của ông bà đối với Ngân hàng. Trường hợp số tiền phát mãi tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông T và bà L còn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng N cho đến khi khoản nợ được tất toán. Liên quan đến tài sản thế chấp bà L trình bày đã bán cho một người không rõ danh tính địa chỉ, việc quản lý tài sản sau thế chấp là trách nhiệm của Ngân hàng nên đề nghị Tòa án tuyên theo hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết, sau này thi hành án Ngân hàng sẽ liên hệ với cơ quan thi hành án để tìm kiếm tài sản này.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải bà Nguyễn Thị L trình bày: ngày 28/8/2018 vợ chồng bà có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N chi nhánh Bắc Quảng Bình vay số tiền 650.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng ông bà đã thế chấp tài sản số 40151, số đăng ký QB-92087-TS; thửa đất số 220, tờ bản đồ số 2 và thửa đất số 32, tờ bản đồ số 3 tại thôn Th, xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Trị) mang tên của vợ chồng cho Ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện buộc vợ chồng bà trả số tiền gốc và lãi phát sinh bà đồng ý nhưng hiện tại vợ chồng làm ăn khó khăn nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để tìm cách xoay xở trả tiền gốc cho Ngân hàng, còn đối với khoản tiền lãi đề nghị Ngân hàng xem xét một phần vì hiện tại gia đình rất khó khăn.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án yêu cầu ông tới Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng ông đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 12/11/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 1 đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 220, tờ bản đồ số 2 và thửa đất số 32 tờ bản đồ số 3 tại xã Đức, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Trị). Kết quả thẩm định cụ thể như sau:

- Thửa đất số 220, tờ bản đồ số 2 tại thôn Th, xã Đ, tỉnh Quảng Trị có tứ cận cụ thể như sau: Phía Đông giáp đường giao thông; Phía Nam giáp thửa đất số 237; Phía Tây giáp đường giao thông; Phía Bắc giáp thửa đất số 219 và 221.

Tài sản trên thửa đất là 01 ngôi nhà cấp 4, tô sơn hoàn chỉnh, lợp mái tôn, nền lát gạch hoa, có hệ thống công trình phụ đầy đủ. Phía trước thửa đất có hàng rào xây, mái hiên lợp bờ rô, nền láng xi măng.

- Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 3 tại thôn Th, xã Đ, tỉnh Quảng Trị có tứ cận cụ thể như sau: Phía Đông giáp với thửa đất số 33, 34 và lối đi; phía Nam giáp thửa đất số 46; Phía Tây và Bắc thửa đất giáp với đường giao thông.

Tài sản trên thửa đất là 01 ngôi nhà đang xây dở, chưa lợp mái, tường xây bằng gạch, chưa tô trát.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T nhiều lần nhưng ông đều vắng mặt không có lý do. Ngày 26/02/2026, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 25/3/2026, đã tiến hành tổng đạt quyết định cùng giấy triệu tập đến phiên tòa cho ông T và bà L. Tại phiên tòa ngày 25/3/2026 bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L vắng mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho ông T và bà L nhưng tại phiên tòa hôm nay ông bà tiếp tục vắng mặt không có lý do.

** Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong vụ án.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, 158; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, khoản 1 Điều 275, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày 23/4/2026 là Tính đến ngày 23/4/2026 ông T và bà L còn nợ Ngân hàng số tiền là: 1.292.744.840 đồng (một tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm bốn mươi đồng); trong đó: nợ gốc: 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng); nợ lãi: 642.744.840 đồng (sáu trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi bốn đồng, tám trăm bốn mươi đồng), trong đó: lãi trong hạn: 424.726.027 đồng (bốn trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm hai bảy đồng); lãi quá hạn: 218.018.813 đồng (hai trăm mười tám triệu, không trăm mười tám nghìn, tám trăm mười ba

đồng) và số tiền lãi được tính tiếp từ ngày 24/4/2026 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. Nếu bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, đúng hạn thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ. Tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đông, tỉnh Quảng Trị và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 25/3/2026, tuy nhiên, Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa vì bị đơn vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt tại các phiên tòa là cố ý không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải bà Nguyễn Thị L đều thống nhất thừa nhận ông bà đã vay vốn của Ngân hàng N với số tiền gốc 650.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng đã ký số 1204/2018/HĐTD ngày 28/8/2018. Hợp đồng được các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định tại các Điều 117, 118, 119, khoản 1 Điều 275 và Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 100 và 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L không trả đầy đủ số tiền gốc, lãi cho Ngân hàng vì vậy khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày 08/7/2019 nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có cơ sở được chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 23/4/2026 cho Ngân hàng N là 1.292.744.840 đồng (một tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm bốn mươi đồng); trong đó: nợ gốc: 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng); nợ lãi: 642.744.840 đồng (sáu trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm bốn mươi đồng), trong đó: lãi trong hạn: 424.726.027 đồng (bốn trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm hai

bảy đồng); lãi quá hạn: 218.018.813 đồng (hai trăm mười tám triệu, không trăm mười tám nghìn, tám trăm mười ba đồng).

Tiền lãi trên số nợ còn lại sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 24/4/2026 (ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi ông T và bà L trả xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1204/2018/HĐTD và giấy nhận nợ ngày 28/8/2018 đã ký kết.

[2.2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng N, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp số 1204A/2018/HĐTC ngày 27/8/2018 thế chấp tàu cá số 40151, số đăng ký QB 92087 TS chủ tàu là Nguyễn Văn T; Hợp đồng thế chấp số 1204/2018/HĐTC ngày 27/8/2018 thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 220; tờ bản đồ số: 2 tại xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 157584, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01083, do Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch cấp ngày 18/6/2016 mang tên chủ sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L và thửa đất số 32; tờ bản đồ số: 3 tại xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CN 475406, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 02232, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 02/8/2018 mang tên chủ sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L, về hình thức và nội dung được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc ký kết các Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng N với ông T và bà L là để bảo đảm cho khoản vay của ông T, bà L được các bên giao kết là hoàn toàn tự nguyện, nội dung Hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322 và Điều 323 của Bộ luật dân sự, sau khi ký kết Hợp đồng, các bên đã thực hiện việc công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Do vậy, các Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong Hợp đồng nên nếu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của bên thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ được chấp nhận.

Liên quan đến tàu cá thế chấp theo hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp số 1204A/2018/HĐTC ngày 27/8/2018 thế chấp tàu cá số 40151, số đăng ký QB 92087 TS chủ tàu là Nguyễn Văn T qua trình bày của bà L đã bán cho một người không rõ danh tính, Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên sau này thì hành án Ngân hàng sẽ phối hợp với cơ quan thi hành án để tìm kiếm tàu cá này nên cần xem xét chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Hội đồng đã chi phí tiền thuê thiết bị đo đạc, chi phí thẩm định hết số tiền 4.900.000 đồng (bốn triệu, chín trăm nghìn đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 4.900.000 đồng (bốn triệu, chín trăm nghìn đồng) nên cần buộc ông T và bà L phải hoàn trả chi phí trên cho phía Ngân hàng là phù hợp với các quy định tại Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy, bị đơn ông

Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí vụ án. Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, khoản 1 Điều 275, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 100, 103, 209 và Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến hết ngày 23/4/2026 là 1.292.744.840 đồng (một tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm bốn mươi đồng); trong đó: nợ gốc: 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng); nợ lãi: 642.744.840 đồng (sáu trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi bốn đồng, tám trăm bốn mươi đồng), trong đó: lãi trong hạn: 424.726.027 đồng (bốn trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm hai bảy đồng); lãi quá hạn: 218.018.813 đồng (hai trăm mười tám triệu, không trăm mười tám nghìn, tám trăm mười ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm vụ án (ngày 24/4/2026) ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1204 ngày 28/8/2018 và Giấy nhận nợ ngày 28/8/2018.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L không thanh toán được nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện các biện pháp xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp số 1204A/2018/HĐTC ngày 27/8/2018 thế chấp tàu cá số 40151, số đăng ký QB 92087 TS chủ tàu là Nguyễn Văn T; Hợp đồng thế chấp số 1204/2018/HĐTC ngày 27/8/2018 thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 220; tờ bản đồ số: 2 tại xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 157584, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01083, do Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch cấp ngày 18/6/2016 mang tên chủ sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L và thửa đất số 32; tờ bản đồ số: 3 tại xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CN 475406, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 02232, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 02/8/2018 mang tên chủ sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T và bà L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng N.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L phải hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 4.900.000 đồng (bốn triệu, chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 50.782.000 đồng (năm mươi triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.455.500 đồng (hai mươi tư triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0000625 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

6. Trong trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 1;
- THADS KV1, tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thẩm

